

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2019/DS-PT

Ngày: 04 - 11 - 2019

V/v: “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu
và yêu cầu hủy giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Cầu

Các thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Võ Ngọc Thông

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 232/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 về “*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 21-02 và ngày 21-5-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1406/2019/QĐ-PT ngày 15-10-2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh T; địa chỉ: Thôn H2, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Mạnh Đ; địa chỉ: Tổ dân phố 12, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L; địa chỉ: Thôn H2, thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Võ Đình D, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số 207 đường N1, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Thanh T1; địa chỉ: Thôn Tr, xã V, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Việt H1 - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu D1g - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T và ông Trần Mạnh D người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân ông Nguyễn T3 và bà Nguyễn Thị H3 (là cha, mẹ ông T) tạo lập được thửa đất diện tích 2307,5m² và sử dụng từ năm 1981. Đất có tứ cận:

Đông giáp đất ông Nguyễn Thanh T.

Nam giáp đường hiện trạng.

Tây giáp đất ông T4.

Bắc giáp trường cấp 3.

Ông T3 và bà H3 có 04 người con chung là bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh T1, bà Nguyễn Thanh T5 (chết năm 2003). Năm 1998 bà H3 chết. Năm 1999 ông T3 cùng các con lập “Giấy biên nhận” chuyển nhượng một phần diện tích đất trên cho bà Nguyễn Thị Nh; năm 2013 Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định thu hồi 1974m². Số đất còn lại ông T3 kê khai đăng ký làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 439306 ngày 18-11-2013 diện tích 333,5m² thuộc thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, mang tên ông Nguyễn T3. Sau đó bà L thuyết phục ông T3 ký Hợp đồng tặng cho bà L toàn bộ diện tích đất trên và được Ủy ban nhân dân thị trấn N ký chứng thực số 109 ngày 10-12-2013. Sau khi có hợp đồng, bà L tự kê khai làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 459573 ngày 15-01-2014 diện tích 333,5m² thuộc thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24 mang tên ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L. Năm 2014 ông T3 chết. Nay ông T yêu cầu tòa án giải quyết:

- Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập giữa ông Nguyễn T3 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn H được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C ký chứng thực số 109 ngày 10-12-2013 vô hiệu.

- Yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA439573 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25-01-2014, thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, diện tích 333,5m² cấp cho ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Bị đơn ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị Mỹ L và người đại diện theo ủy quyền ông Võ Đình D trình bày:

Vào ngày 10-12-2013, cha tôi là Nguyễn T3 ký hợp đồng tặng cho vợ chồng tôi (Hùng, Lệ) quyền sử dụng đất thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, diện tích 333,5m² tại thôn H2, thị trấn N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 439306 mang tên ông Nguyễn T3. Hợp đồng được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C ký chứng thực số 109 ngày 10-12-2013. Ngày 25-01-2014, Ủy ban nhân dân huyện C cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 439573 mang tên ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Việc ông Nguyễn T3 tặng cho vợ chồng ông H, bà L quyền sử dụng đất trên là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm đó ông Nguyễn T3 hoàn toàn minh mẫn; đất thuộc quyền sử dụng của ông T3, không tranh chấp; Hợp đồng được Ủy ban nhân dân thị trấn N chứng thực theo đúng quy định của pháp luật.

Trước đó vào năm 2012 ông T3 già yếu, ông Nguyễn Thanh T1 (là con) không thể chăm sóc được cha, nên có ký giấy để bà L chăm sóc và đồng ý giao toàn bộ quyền sử dụng đất trên cho bà L sử dụng vĩnh viễn.

Do đó bà L không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh T1 trình bày: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn T3 với bà L và ông H được Ủy ban nhân dân thị trấn N chứng thực là sai, vì đây là tài sản chung; do đó Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L là không đúng. Ông T1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T và không có yêu cầu gì khác.

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Gia Lai – Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Việt H1 trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L là đúng trình tự và quy định của pháp luật. Việc ông T khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai - Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hữu D1g trình bày: Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, diện tích 333,5m² giữa ông Nguyễn T3 với bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Võ Văn H được Ủy ban nhân dân thị trấn N chứng thực số 109, ngày 10-12-2013 là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Ông T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà L, ông H là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 21-5-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Áp dụng Điều 34, 37, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm c Điều 122, 127, 722 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ khoản 3 Điều 105; điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật đất đai; Điều 79 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T:

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, diện tích 333,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 439306, được lập giữa ông Nguyễn T3 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn H được Ủy ban nhân dân thị trấn N ký chứng số 109, ngày 10-12-2013 vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA439573 được UBND huyện C cấp ngày 25/01/2014, thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, diện tích 333,5m² mang tên ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Tạm giao thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, diện tích 333,5m² cho cho ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L quản lý. Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì người có quyền, liên hệ với Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và các chi phí tố tụng khác.

Ngày 04-6-2019, ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị Mỹ L kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng đề nghị căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị Mỹ L. Sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T và người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông Trần Mạnh Đ vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C, Ủy ban nhân dân thị trấn N huyện C, tỉnh Gia Lai có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T1 vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 238, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Nguồn gốc thửa đất tranh chấp do cụ Nguyễn T3 và cụ Nguyễn Thị H3 khai hoang từ năm 1981 với diện tích 2307,5m². Cụ Nguyễn T3 và cụ Nguyễn Thị H3 có 04 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Thanh T5 (chết năm 2003). Năm 1998, cụ Nguyễn Thị H3 chết không để lại di chúc. Năm 1999, cụ Nguyễn T3 cùng các con lập “*Giấy biên nhận*” chuyển nhượng một phần diện tích đất trên cho bà Nguyễn Thị Nh; năm 2013, Ủy ban nhân dân huyện C ra quyết định thu hồi 1974m². Diện tích còn lại 333,5m² đất thuộc thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24 cụ Nguyễn T3 kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 439306, ngày 18-11-2013 mang tên cụ Nguyễn T3. Ngày 10-12-2013, cụ Nguyễn T3 lập Hợp đồng tặng cho bà Nguyễn Thị Mỹ L toàn bộ diện tích đất trên. Như vậy, thửa đất tranh chấp số 121B, tờ bản đồ số 24 là quyền tài sản chung của cụ Nguyễn T3, cụ Nguyễn Thị H3 nhưng cụ Nguyễn T3 lại quyết định tặng cho bà L, ông H phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị H3 không có sự đồng ý của các ông Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh T1 là không đúng. Cụ Nguyễn T3 chỉ có quyền tặng cho vợ chồng bà L, ông H diện tích 166,75 m² (phần quyền tài sản của cụ T3) trong khối tài sản chung với cụ H3. Điều này phù hợp với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Mạnh Đ khi cho rằng: *Ông T3 tặng cho vượt quá phạm vi và hợp đồng tặng cho vi phạm quy định của Luật đất đai* (Bút lục 302). Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại tuyên Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, diện tích 333,5m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 439306, được lập giữa cụ Nguyễn T3 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn H được Ủy ban nhân dân thị trấn N ký chứng số 109, ngày 10-12-2013 vô hiệu toàn bộ là không chính xác. Mặt khác, việc cụ Nguyễn T3 tặng cho vợ chồng ông H, bà L diện tích đất của mình là hoàn toàn tự nguyện được thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 10-11-2012 của Ủy ban nhân dân xã thị trấn N, vì tại thời điểm đó cụ Nguyễn T3 hoàn toàn minh mẫn; diện tích đất thuộc quyền sử dụng của cụ T3, không ai tranh chấp hay khiếu nại gì; Hợp đồng tặng cho này được Ủy ban nhân dân thị trấn N chứng thực theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại.

[3] Đối với đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA439573 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25-01-2014, thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, diện tích 333,5m² mang tên bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn H: Theo quy định của pháp luật đất đai thì Cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp *người được cấp giấy chứng nhận đã thực hiện quyền chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật* (điểm d khoản 2, Điều 106 Luật đất đai). Đối chiếu theo quy định trên, thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, diện tích 333,5m², ngày 18-

11-2013 cụ Nguyễn T3 đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Nguyễn T3 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn H không thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận. Cơ quan có thẩm quyền là Văn phòng đăng ký đất đai tại địa phương có quyền chính lý đăng ký biến động nếu có đơn yêu cầu của người có quyền theo quy định tại Điều 79 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ như cấp sơ thẩm nhận định là đúng.

[4] Đối với ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập giữa ông Nguyễn T3 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn H được Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C ký chứng thực số 109 ngày 10-12-2013 vô hiệu. Đồng thời yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA439573 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 25-01-2014, thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, diện tích 333,5m² cấp cho ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L. Trong trường hợp này, ông Nguyễn Thanh T cần nộp đủ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại yêu cầu ông T nộp 02 lần 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm không có giá ngạch là không đúng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại. Cấp sơ thẩm nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng thấy rằng có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L. Chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Sửa bản án sơ thẩm.

[5] **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn H được chấp nhận đơn kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn H. Sửa quyết định của Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 21-5-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Áp dụng điểm c Điều 122, 127, 722 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 3 Điều 105; điểm d, khoản 2, Điều 106 Luật đất đai; Điều 79 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T:

Tuyên bố một phần Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, ½ diện tích đất là 166,75/333,5m² (phần di sản cụ Nguyễn Thị H3) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 439306, được lập giữa cụ

Nguyễn T3 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn H được Ủy ban nhân dân thị trấn N ký chứng số 109 ngày 10-12-2013 vô hiệu.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA439573 được UBND huyện C cấp ngày 25/01/2014, thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, diện tích 333,5m² mang tên ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Tạm giao thửa đất số 121B, tờ bản đồ số 24, diện tích 333,5m² cho bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn H quản lý. Khi bản án có hiệu lực pháp luật thì người có quyền liên hệ với Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường để điều chỉnh biến động hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án.

2. Về án phí:

Căn cứ Điều 147; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh T 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002308 ngày 26/10/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Võ Văn H 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003064 ngày 24-6-2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Các quyết định khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 04-11-2019./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thúy Cầu